

dụng tình trạng khẩn cấp ở địa phương xây dựng kế hoạch, bố trí nguồn lực thực hiện.

Điều 25. Huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ

1. Nguyên tắc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

a) Việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ phải tuân theo quy định của pháp luật, căn cứ vào mức độ thiệt hại, chia sẻ thông tin và phối hợp với chính quyền địa phương nơi có đối tượng được hỗ trợ để bảo đảm công bằng, công khai và tránh trùng lặp;

b) Việc cứu trợ cần tập trung đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người dân bị ảnh hưởng bởi áp dụng tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là đối tượng dễ bị tổn thương.

2. Thẩm quyền huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ được quy định như sau:

a) Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền huy động nguồn lực của Nhà nước theo thẩm quyền để phục vụ công tác cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về dự trữ quốc gia; việc hỗ trợ dài hạn thực hiện theo kế hoạch hằng năm;

b) Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam vận động quyên góp và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Hội chữ thập đỏ các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tiếp nhận và phân bổ nguồn lực để cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn;

c) Tổ chức, cá nhân được phép quyên góp từ cộng đồng theo quy định của pháp luật có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân nơi được hỗ trợ để thực hiện cứu trợ khẩn cấp và hỗ trợ trung hạn.

3. Chính phủ quy định cụ thể việc huy động, quyên góp và phân bổ nguồn lực cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 26. Các biện pháp đặc biệt hỗ trợ ứng phó trong tình trạng khẩn cấp

Trong tình huống áp dụng tình trạng khẩn cấp có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp, chính sách sau đây:

1. Chính sách về thuế: Giảm trừ, gia hạn thời hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; nâng mức giảm trừ gia cảnh của thuế thu nhập cá nhân; giãn thuế, giảm

thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp; miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa, nguyên liệu đầu vào nhập khẩu vì mục đích phục vụ phòng, chống thảm họa, sự cố.

2. Chính sách tài chính: Tạo thuận lợi về tiếp cận vốn, tín dụng; giảm lãi suất tín dụng, cơ cấu lại thời hạn trả nợ; miễn giảm lãi vay; tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; giảm giá bán điện, giảm tiền điện cho các đối tượng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình trạng khẩn cấp do thảm họa, sự cố; tạm hoãn tiến hành thủ tục tịch thu nhà, bất động sản của tổ chức, cá nhân khi tổ chức, cá nhân không đủ khả năng trả nợ do thảm họa, sự cố.

3. Chính sách về phí, lệ phí: Giảm phí, lệ phí đối với các đối tượng chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi áp dụng tình trạng khẩn cấp.

4. Cắt giảm thủ tục hành chính trong xuất nhập khẩu, bảo đảm thông quan kịp thời; rút ngắn thời gian xét hoàn thuế, xét duyệt hồ sơ vay vốn; cắt giảm các quy định, điều kiện, thủ tục gây khó khăn, cản trở hoạt động sản xuất kinh doanh; đơn giản hoá, cắt giảm thủ tục hành chính đối với việc cấp giấy phép hoạt động, giấy phép đầu tư, thủ tục thành lập, sáp nhập, tổ chức lại, thủ tục mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh; hỗ trợ, cho phép hoãn, gia hạn thời gian thực hiện thủ tục phá sản.

5. Chính sách, biện pháp đầu tư, kinh doanh: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân vốn đầu tư và cải thiện môi trường kinh doanh; đẩy mạnh và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới trong nước; có cơ chế khuyến khích sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu; chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng chính sách ứng phó thảm họa, sự cố để gây khó khăn cho doanh nghiệp.

6. Chính sách về nhân lực, lao động: Hỗ trợ đào tạo lao động; hỗ trợ doanh nghiệp tìm nguồn lao động thay thế trong trường hợp thiếu hụt lao động, chuyên gia nước ngoài; hỗ trợ người lao động bị thất nghiệp, mất việc làm do áp dụng tình trạng khẩn cấp.

7. Chính sách về xuất nhập cảnh: Gia hạn tạm trú cho người nước ngoài, tạo điều kiện tiếp tục công việc khi họ chưa thể trở về nước do tình trạng khẩn cấp.

8. Đổi mới phương thức hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

9. Chính sách an sinh xã hội: Chăm lo đời sống Nhân dân, đặc biệt là người có công, gia đình chính sách, hộ nghèo, phụ nữ, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn, người mất việc làm trong tình trạng khẩn cấp bảo đảm kịp thời, thực chất, hiệu quả.

Điều 27. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp

1. Khi xảy ra tình trạng khẩn cấp thì cơ quan có thẩm quyền ban hành được áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Điều 28. Ban hành văn bản hành chính trong tình trạng khẩn cấp

Khi xảy ra tình trạng khẩn cấp thì cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hành chính quyết định rút gọn trình tự, thủ tục ban hành văn bản hành chính.

Điều 29. Các biện pháp được áp dụng để duy trì hoạt động tổ tụng trong tình trạng khẩn cấp

Trong địa bàn đã công bố tình trạng khẩn cấp, căn cứ tình hình cụ thể, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xin ý kiến Ủy ban thường vụ Quốc hội có thể áp dụng một hoặc nhiều biện pháp sau đây:

1. Tạm hoãn hoạt động xét xử trong thời hạn công bố tình trạng khẩn cấp.
2. Di chuyển tạm thời địa điểm xét xử đến nơi có đủ điều kiện xét xử.
3. Thực hiện hoạt động xét xử theo phương thức trực tuyến.
4. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm báo cáo cho Quốc hội tại kỳ họp gần nhất về tình hình thực hiện các biện pháp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này.

Điều 30. Thời hạn, thời hiệu trong xử lý vi phạm hành chính và thi hành án dân sự

1. Khoảng thời gian áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp tại Mục 2 Chương III Luật này không tính vào thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự, giải quyết việc dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự; thời hiệu khiếu nại và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi hành án dân sự.

2. Các loại thời hiệu quy định tại Khoản 1 Điều này bắt đầu lại sau khi kết thúc thời hạn áp dụng các biện pháp nêu trên.

Chương IV

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân

1. Cá nhân có các quyền sau đây:

- a) Tiếp cận thông tin về tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;
- b) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại trong tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;
- c) Được hưởng tiền công lao động khi tham gia ứng phó trong tình trạng khẩn cấp theo quyết định huy động của người có thẩm quyền;
- d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;
- đ) Khi tham gia hoạt động ứng phó với tình trạng khẩn cấp nếu bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; nếu bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì được xem xét, hưởng chế độ, chính sách theo quy định pháp luật đối với lực lượng phòng thủ dân sự.

2. Cá nhân có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo kế hoạch tình trạng khẩn cấp của địa phương;
- b) Tham gia hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện, diễn tập ứng phó với tình trạng khẩn cấp khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tham gia hoạt động ứng phó khi được huy động;
- c) Chuẩn bị sẵn sàng vật tư, phương tiện theo khả năng để đảm bảo an toàn trước tình trạng khẩn cấp;
- d) Chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp nhằm bảo đảm an toàn cho bản thân và gia đình khi tình trạng khẩn cấp xảy ra; tham gia hỗ trợ cộng đồng; giúp đỡ người bị thiệt hại do tình trạng khẩn cấp tại địa phương; thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong khu vực sinh sống và làm việc;
- đ) Chấp hành hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền về sơ tán người, phương tiện ra, vào khu vực nguy hiểm; chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, tài sản để phục vụ hoạt động ứng phó tình trạng khẩn cấp của người có thẩm quyền;

e) Thông báo, cung cấp thông tin kịp thời cho cơ quan có thẩm quyền về diễn biến, thiệt hại do tình trạng khẩn cấp gây ra khi có điều kiện thực hiện.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức

1. Cơ quan, tổ chức có các quyền sau đây:

- a) Tiếp cận thông tin về tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;
- b) Tham gia hoạt động tình trạng khẩn cấp tại địa phương;
- c) Được cứu trợ, hỗ trợ khi bị thiệt hại do tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật;
- d) Được hoàn trả trang thiết bị, tài sản đã huy động ngay sau khi kết thúc việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp; trường hợp trang thiết bị, tài sản đã huy động bị thiệt hại hoặc tiêu hao thì được bồi thường, thanh toán theo quy định của pháp luật;
- đ) Tham gia, phối hợp thông tin, truyền thông, giáo dục về tình trạng khẩn cấp.

2. Cơ quan, tổ chức có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuyên truyền, vận động người lao động, thành viên trong cơ quan, tổ chức mình, người dân chấp hành quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp;
- b) Chủ động xây dựng, bảo vệ công trình, cơ sở vật chất thuộc phạm vi quản lý để đảm bảo an toàn trước tình trạng khẩn cấp;
- c) Xây dựng và tổ chức thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả tình trạng khẩn cấp;
- d) Chấp hành quyết định huy động nhân lực, trang thiết bị, nhu yếu phẩm của người có thẩm quyền để phục vụ hoạt động tình trạng khẩn cấp;
- đ) Chủ động thực hiện vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh trong phạm vi quản lý;
- e) Chủ động khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại khi để xảy ra sự cố, thảm họa trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Điều 33. Bất khả kháng do áp dụng tình trạng khẩn cấp

1. Việc áp dụng các biện pháp trong tình trạng khẩn cấp tại Mục 2 Chương III Luật này dẫn đến việc cơ quan, tổ chức, cá nhân không thể thực hiện được các nghĩa vụ trong giao dịch dân sự được coi như tình huống bất khả kháng và áp dụng quy định pháp luật về sự kiện bất khả kháng.

2. Việc áp dụng quy định tại Khoản 1 Điều này được xem xét, đánh giá tùy từng trường hợp cụ thể bởi cơ quan có thẩm quyền trên cơ sở nghĩa vụ không thể thực hiện được và là hệ quả trực tiếp của việc tuân thủ các biện pháp được áp dụng trong tình trạng khẩn cấp tại Mục 2 Chương III Luật này.

Chương V
TỔ CHỨC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT, LỆNH
CÔNG BỐ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 34. Thẩm quyền tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp

1. Chính phủ tổ chức và chỉ đạo việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp, quyết định việc áp dụng các biện pháp đặc biệt theo Điều 26 Luật này và quyết định các cơ quan, tổ chức hoặc người có trách nhiệm thi hành các biện pháp đó.

2. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia, Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự cấp Bộ, ngành trung ương và Ban Chỉ huy phòng thủ dân sự các cấp địa phương chỉ đạo, chỉ huy ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp, trừ lĩnh vực quốc phòng.

3. Ban Chỉ huy tình trạng khẩn cấp về quốc phòng tổ chức, chỉ huy, điều hành tập trung, thống nhất ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

Điều 35. Trách nhiệm thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp

1. Cơ quan, tổ chức hoặc người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp phải nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của Luật này, Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và tuyệt đối phục tùng chỉ thị, mệnh lệnh của cấp trên.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi cá nhân có trách nhiệm chấp hành nghiêm các quy định về tình trạng khẩn cấp, tuân thủ tuyệt đối Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và các mệnh lệnh, quyết định của các cơ quan tổ chức, người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp để nhanh chóng ổn định tình hình, khôi phục trật tự an toàn xã hội, bảo vệ tính mạng của Nhân dân, bảo vệ tài sản Nhà nước và của Nhân dân.

3. Người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp phải đeo phù hiệu thống nhất để dễ nhận biết. Mẫu phù hiệu sẽ do Thủ tướng Chính phủ quy định để bảo đảm sự linh hoạt trong từng thời kỳ.

Điều 36. Điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn áp dụng tình trạng khẩn cấp

Trong trường hợp cần thiết, Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước điều động lực lượng vũ trang đến địa bàn có tình trạng khẩn cấp để hỗ trợ các lực lượng tại chỗ khắc phục hậu quả của thảm họa, dịch bệnh, ổn định, duy trì an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 37. Trang bị và sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong tình trạng khẩn cấp

1. Lực lượng công an, quân đội, Dân quân tự vệ và những người thuộc các Đội tuần tra đặc biệt liên ngành được trang bị vũ khí, công cụ hỗ trợ.

2. Người được trang bị công cụ hỗ trợ được sử dụng công cụ hỗ trợ trong các trường hợp sau đây:

a) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi đe dọa tính mạng, sức khỏe của người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp hoặc của người khác; người có hành vi xâm phạm tài sản của Nhà nước, tổ chức hoặc của cá nhân; ngăn chặn, bắt giữ người phạm tội;

b) Ngăn chặn, bắt giữ người đang gây rối trật tự công cộng hoặc vi phạm quy định về tình trạng khẩn cấp;

c) Giải tán các vụ tụ tập, biểu tình;

d) Ngăn chặn, bắt giữ người có hành vi gây bạo loạn, phá hoại, phá trại giam, đánh tháo phạm nhân, cướp vũ khí, tấn công mục tiêu hoặc đối tượng được bảo vệ;

đ) Ngăn chặn, bắt giữ người dùng vũ lực cản trở người thi hành nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp;

e) Những trường hợp khác mà pháp luật quy định được phép sử dụng vũ khí.

Điều 38. Biện pháp xử lý người bị bắt, tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp

1. Đối với người bị bắt hoặc bị tạm giữ trong tình trạng khẩn cấp thì việc xử lý được thực hiện theo thủ tục tố tụng hình sự hoặc xử lý vi phạm hành chính.

2. Đối với người bị bắt theo lệnh của Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt thì việc xử lý được thực hiện như sau: Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt hoặc người có thẩm quyền phải kịp thời lập biên bản, lấy lời khai của người bị bắt; chậm nhất là bốn mươi tám giờ kể từ khi bắt, Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt phải chuyển giao người bị bắt cùng toàn bộ hồ sơ, vật chứng cho cơ quan điều tra có thẩm quyền để xử lý theo thủ tục tố tụng hình sự nếu xét thấy có dấu hiệu của tội phạm; trong trường hợp hành vi vi phạm của người bị bắt chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nhưng bị xử phạt hành chính thì Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt chuyển giao người đó cùng toàn bộ hồ sơ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền để xử phạt hành chính; trường hợp Đội trưởng Đội tuần tra đặc biệt là người có thẩm quyền xử phạt hành chính thì quyết định xử phạt theo thẩm quyền.

3. Người bị bắt và bị xử phạt hành chính nếu có giấy tờ tùy thân hợp lệ, thì được trả tự do ngay sau khi hết thời gian tạm giữ người theo thủ tục hành chính; trong trường hợp người bị bắt không có giấy tờ tùy thân thì bị tạm giữ cho đến khi xác minh được về nhân thân của người đó nhưng không quá bảy mươi hai giờ.

Trong thời gian chưa được chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền để xử lý hoặc được trả tự do theo quy định tại Điều này, người bị bắt được tạm giữ tại trụ sở Đội tuần tra đặc biệt.

Chương VI

BÃI BỎ TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 39. Thẩm quyền bãi bỏ tình trạng khẩn cấp

1. Theo đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ra Nghị quyết hoặc Chủ tịch nước ra Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp khi: Thảm họa đã được ngăn ngừa, hạn chế hoặc khắc phục, dịch bệnh đã bị chặn hoặc dập tắt, tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội đã ổn định.

2. Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước bãi bỏ tình trạng khẩn cấp phải được công bố ngay trên các phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết công khai để mọi người đều biết.

Điều 40. Chấm dứt hiệu lực của các văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết, Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp

1. Các văn bản pháp luật về tổ chức thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh công bố tình trạng khẩn cấp sẽ hết hiệu lực thi hành kể từ thời điểm Nghị quyết hoặc Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có hiệu lực, trừ trường hợp Nghị quyết hoặc Lệnh bãi bỏ tình trạng khẩn cấp có quy định khác.

2. Ủy ban nhân dân các cấp tại địa bàn có tình trạng khẩn cấp có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để giúp đỡ Nhân dân nhanh chóng ổn định đời sống, khôi phục sản xuất.

3. Người bị bắt trước khi tình trạng khẩn cấp được bãi bỏ nhưng chưa chuyển giao cho cơ quan điều tra hoặc cơ quan khác có thẩm quyền xử lý hành chính, tổ chức đang tạm giữ người bị bắt phải làm thủ tục chuyển giao ngay theo quy định của pháp luật. Người bị bắt được trả tự do ngay nếu hết thời gian tạm giữ theo quy định và được xác định người đó không vi phạm pháp luật.

4. Người bị bắt, giam, giữ trái pháp luật hoặc bị thiệt hại do hành vi trái pháp luật khác của người có thẩm quyền gây ra được khôi phục danh dự, quyền lợi, được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

5. Cơ quan trưng dụng phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân phải trả ngay phương tiện, tài sản đã trưng dụng cho chủ sở hữu hoặc người quản lý sử dụng hợp pháp và có trách nhiệm bồi thường theo quy định của pháp luật đối với phương tiện, tài sản bị mất, hoặc bị hư hại.

Chương VII

CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY LỰC LƯỢNG TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 41. Hoạt động chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp

1. Theo dõi, giám sát diễn biến của nguyên nhân gây ra tình trạng khẩn cấp; thông báo cho các lực lượng, người dân tin tức có liên quan.
2. Áp dụng biện pháp quy định tại Mục 2 Chương III Luật này phù hợp.
3. Chuẩn bị phương án ứng phó; tổ chức kiểm tra địa bàn có nguy cơ cần ban bố tình trạng khẩn cấp.
4. Chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng triển khai sở chỉ huy tại chỗ, chỉ đạo trực tiếp khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.
5. Kiểm tra địa điểm sơ tán, tập kết để sẵn sàng sử dụng trong trường hợp cần thiết.

Điều 42. Thẩm quyền chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp

1. Chính phủ chỉ đạo ứng phó tình trạng khẩn cấp trên phạm vi cả nước.
2. Bộ Quốc phòng chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.
3. Bộ Công an chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
4. Bộ Y tế chủ trì giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp khi có dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng.
5. Các Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ trì tham mưu giúp Chính phủ chỉ đạo trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn gây ra theo từng lĩnh vực được giao quản lý Nhà nước.
6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp tại địa phương theo quy định tại Mục 2 Chương III Luật này.

Điều 43. Chỉ huy lực lượng trong tình trạng khẩn cấp

1. Việc chỉ huy các lực lượng ứng phó tình trạng khẩn cấp của Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định.

2. Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn ở địa phương theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chỉ huy lực lượng thuộc quyền thực hiện phòng thủ dân sự trong lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Người chỉ huy đơn vị quân đội, công an điều động và chỉ huy lực lượng thuộc quyền tham gia, phối hợp thực hiện hoạt động phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Cơ quan chỉ đạo, cơ quan chỉ huy trong tình trạng khẩn cấp

1. Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tổ chức, chỉ đạo, điều hành ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn và do dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng gây ra.

2. Ban Chỉ huy bảo vệ an ninh quốc gia tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức, chỉ đạo, điều hành ứng phó, khắc phục tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

Điều 45. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp

Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp bao gồm:

1. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp do thảm họa lớn và dịch bệnh nguy hiểm lây lan trên quy mô rộng gây ra

2. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về quốc phòng.

3. Lực lượng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Chương VIII TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

Điều 46. Trách nhiệm của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Quyết định ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền của Quốc hội bảo đảm hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, công dân.

2. Quy định về việc ban hành các biện pháp thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả trong điều kiện tình trạng khẩn cấp.

Điều 47. Trách nhiệm của Chính phủ

1. Quyết định và tổ chức thực hiện các biện pháp chưa được luật quy định hoặc khác với quy định trong các luật, pháp lệnh hiện hành để đáp ứng yêu cầu cấp bách của công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp về áp dụng cơ chế đặc biệt, đặc thù, đặc cách trong trường hợp tình trạng khẩn cấp có diễn biến phức tạp, phát sinh.

2. Ban hành các chính sách, biện pháp hỗ trợ cơ quan, tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp.

Điều 48. Trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ

1. Quyết định áp dụng biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, bảo đảm thích ứng an toàn, linh hoạt và hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước; tổ chức các lực lượng để bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong vùng xảy ra tình trạng khẩn cấp; áp dụng biện pháp đặc biệt về thông tin liên lạc, sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc và các biện pháp khác có thể áp dụng trong tình trạng khẩn cấp để ngăn chặn kịp thời dịch bệnh lây lan.

2. Trong trường hợp đặc biệt cần thiết, khi xảy ra tình huống có nguy cơ cao trong tình trạng khẩn cấp, thiệt hại đặc biệt nghiêm trọng ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp ngoài các biện pháp quy định tại mục 2 Chương III Luật này.

Điều 49. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực trong tình trạng khẩn cấp để các địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân triển khai áp dụng.

2. Thực hiện các biện pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý các vấn đề đột xuất, phát sinh liên quan đến ứng phó với tình trạng khẩn cấp cho các địa phương trong phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Thực hiện mua sắm phục vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp đúng quy định; công khai, minh bạch, đảm bảo tiết kiệm và phòng, chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng.

4. Duy trì hoạt động sản xuất, các chuỗi cung ứng lao động, hàng hóa, dịch vụ, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất bảo đảm các yêu cầu về ứng phó với tình trạng khẩn cấp đe dọa đến tính mạng, tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

5. Thực hiện các biện pháp vận chuyển, lưu thông hàng hóa, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất an toàn, liên thông, thống nhất, thông suốt giữa các tỉnh, thành phố, địa bàn; thực hiện các giải pháp hỗ trợ bảo đảm sản xuất, cung ứng, lưu thông đối với nhóm hàng hóa là trang thiết bị, vật tư y tế, thuốc, hóa chất, ô xy y tế, phương tiện, dịch vụ phục vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

6. Cung ứng đầy đủ, kịp thời lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, sản phẩm thiết yếu ổn định đời sống của người dân, đặc biệt cung ứng trực tiếp đến người dân ở những khu vực phong tỏa, cách ly.

7. Kịp thời động viên, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp; tuyên truyền, hướng dẫn, vận động cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện các quy định pháp luật, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp.

8. Bộ, cơ quan ngang bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm xây dựng kế hoạch hằng năm và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng phó với tình trạng khẩn cấp thuộc phạm vi quản lý.

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Y tế

1. Căn cứ mức độ nguy cơ, diễn biến tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh lớn, công bố, thông tin về tình hình dịch bệnh, mức độ ảnh hưởng và biện pháp phòng, chống dịch bệnh.

2. Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở để sẵn sàng ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chuẩn bị sẵn sàng lực lượng cơ động để kịp thời tăng cường cho các địa phương trong trường hợp tình trạng khẩn cấp do dịch bệnh lớn vượt quá khả năng kiểm soát của địa phương.

4. Tổ chức mua sắm tập trung các vật tư, thiết bị cần thiết ứng phó với tình trạng khẩn cấp bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

5. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương huy động hệ thống y tế công lập, tư nhân và các nguồn lực xã hội trong triển khai công tác dự phòng, điều trị, đầu tư cơ sở vật chất và các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo đúng quy định.

7. Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan rà soát, đề xuất chính sách hỗ trợ phù hợp và bảo đảm trang thiết bị phòng hộ đối với lực lượng tham gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đội ngũ bác sỹ, điều dưỡng, kỹ thuật viên, nhân viên y tế; cán bộ, chiến sỹ quân đội, công an, cán bộ cơ sở và đội ngũ tình nguyện viên.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Tăng cường kiểm soát bảo đảm an ninh biên giới, đường mòn, lối mở; xuất cảnh, nhập cảnh, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

2. Lập kế hoạch và chỉ đạo các lực lượng quân đội phối hợp chặt chẽ với các địa phương trong công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp; tham gia sản xuất, cung ứng trang thiết bị, vật tư và tham gia cứu trợ Nhân dân trong khu vực cách ly, phong tỏa.

3. Lập quy hoạch, kế hoạch và chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng trong phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Lập kế hoạch và phương án bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội khi có tình trạng khẩn cấp xảy ra, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan ngang bộ, địa phương tham gia cứu hộ, cứu nạn và khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra.

2. Tổ chức các lực lượng chức năng bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội và an ninh mạng, đặc biệt tại cơ sở và tại các địa bàn, khu vực cách ly, phong tỏa; tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với các loại tội phạm, đặc biệt các hành vi chống đối lực lượng chức năng tham gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp; xử lý nghiêm các đối tượng lợi dụng chính sách ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các địa phương trong tổ chức thực hiện và bố trí lực lượng tham gia ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đảm bảo an sinh xã hội.

4. Chỉ đạo lực lượng công an phối hợp với các cơ quan chức năng và các địa phương tăng cường bám sát địa bàn, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp, giải pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ngang Bộ, địa phương đấu tranh với hoạt động lợi dụng tình trạng khẩn cấp để gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Lập kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc bảo đảm an toàn, thông suốt cho mạng thông tin chung trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp, đặc biệt là các hệ thống thông tin, nền tảng công nghệ phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Chuẩn bị dự phòng trang thiết bị thông tin chuyên dùng phục vụ phòng, chống các sự cố, thảm họa lớn trong mọi tình trạng khẩn cấp xảy ra.

3. Chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng thực hiện việc thông tin, truyền thông về tình trạng khẩn cấp.

Điều 54. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Căn cứ vào tình hình thiệt hại, nhu cầu cứu trợ, đề xuất chính sách hỗ trợ cho các địa phương để sớm ổn định đời sống nhân dân vùng chịu ảnh hưởng do tình trạng khẩn cấp, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định;

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các giải pháp bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ trẻ em, người lao động, người sử dụng lao động; đề xuất các giải pháp khôi phục thị trường lao động.

3. Hướng dẫn việc lồng ghép giới trong các hoạt động ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp xảy ra.

Điều 55. Trách nhiệm của Bộ Công Thương

1. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra thảm họa lớn trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu, xuất khẩu các loại hóa chất độc, hóa chất nguy hiểm.

2. Phối hợp với Bộ, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp.

3. Ổn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho người dân tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp.

4. Chỉ đạo công tác bảo đảm hàng hóa, nguyên vật liệu, năng lượng để đáp ứng yêu cầu phục hồi sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội.

5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan đề xuất cấp có thẩm quyền tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án công nghiệp quan trọng; hỗ trợ tối đa các nhà máy duy trì và khôi phục sản xuất.

Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công Thương, các địa phương bảo đảm điều kiện tạo thuận lợi, thông suốt cho sản xuất tiêu thụ nông sản tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ở địa phương thực hiện các biện pháp giảm nhẹ hậu quả tình trạng khẩn cấp do thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai.

Điều 57. Trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Chủ trì, hướng dẫn các hoạt động thi công các dự án, công trình giao thông trong tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành trung ương, cơ quan ở địa phương có liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị trong phạm vi quản lý trong ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp xảy ra.

3. Rà soát hướng dẫn, kế hoạch hoạt động giao thông, vận tải liên tỉnh, lưu thông hàng hóa, bảo đảm liên tục chuỗi cung ứng sản xuất trong tình trạng khẩn cấp.

4. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật tư cứu hộ giao thông, bảo đảm an toàn giao thông vận tải khi tình trạng khẩn cấp xảy ra.

5. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện tìm kiếm, cứu nạn khi tình trạng khẩn cấp xảy ra.

Điều 58. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn về các hoạt động thi công các dự án, công trình xây dựng đảm bảo an toàn, linh hoạt trong tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì cập nhật yêu cầu đảm bảo ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong các quy hoạch xây dựng.

Điều 59. Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức quan trắc, thu thập và xử lý thông tin, xác định, đánh giá rủi ro thiên tai, phân vùng rủi ro thiên tai, theo dõi, giám sát thiên tai; thực hiện dự báo, cảnh báo, cung cấp kịp thời chính xác thông tin về thiên tai liên quan đến khí tượng, thủy văn, hải văn cho Ban chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia và bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, địa phương liên quan, phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

2. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; hợp tác quốc tế trong việc dự báo, cảnh báo thiên tai; bồi dưỡng nghiệp vụ cho người làm công tác dự báo, cảnh báo; tuyên truyền, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm và pháp luật về dự báo, cảnh báo thiên tai.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn xử lý, vận chuyển chất thải phát sinh trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 60. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Tổng hợp và bố trí dự toán ngân sách nhà nước để chi cho nhiệm vụ ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật này.

2. Chủ trì tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền quyết định về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phù hợp, hiệu quả cho việc ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

3. Đề xuất cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp theo quy định pháp luật; điều chỉnh, cắt giảm kinh phí của các nhiệm vụ chi khác để bảo đảm kinh phí cho công tác ứng phó tình trạng khẩn cấp.

Điều 61. Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Lòng ghép nội dung ứng phó, khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp gây ra trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp tại khu vực xảy ra tình trạng khẩn cấp; chính sách ưu đãi thu hút các nhà đầu tư nước ngoài trong thời gian xảy ra và khắc phục tình trạng khẩn cấp.

Điều 62. Trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Y tế rà soát hướng dẫn ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong hoạt động giáo dục, đào tạo.

2. Thực hiện các giải pháp đảm bảo thực hiện hoạt động giáo dục - đào tạo an toàn, hiệu quả, phù hợp trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 63. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Hướng dẫn thực hiện các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch bảo đảm an toàn, linh hoạt, phù hợp trong tình trạng khẩn cấp.

Điều 64. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tăng cường công tác nghiên cứu, triển khai các chương trình nghiên cứu, nhiệm vụ khoa học công nghệ phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Huy động các nhà khoa học, chuyên gia nghiên cứu, đề xuất các giải pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

Điều 65. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất sửa đổi các quy định của pháp luật không còn phù hợp, gây vướng mắc, cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh trong điều kiện tình trạng khẩn cấp.

Điều 66. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Hướng dẫn hoạt động của các cơ sở, địa điểm, hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng, thờ tự đảm bảo ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phát động các phong trào thi đua trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội.

3. Phối hợp với Bộ Y tế, các Bộ, ngành, địa phương đề xuất khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp và phục hồi kinh tế.

Điều 67. Trách nhiệm của Ủy ban Dân tộc

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Y tế, Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương tăng cường công tác vận động người dân các vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất các chính sách hỗ trợ đảm bảo an sinh xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi tình trạng khẩn cấp.

Điều 68. Trách nhiệm của Thông tấn xã Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam

Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông đưa tin kịp thời các biện pháp chủ động ứng phó tình trạng khẩn cấp, các biện pháp áp dụng và khắc phục hậu quả do tình trạng khẩn cấp; công khai Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Lệnh của Chủ tịch nước ban bố hoặc bãi bỏ tình trạng khẩn cấp.

Điều 69. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về tình trạng khẩn cấp, phối hợp và giúp đỡ các cơ quan, tổ chức, người thi hành các biện pháp đặc biệt trong tình trạng khẩn cấp về giám sát việc thi hành các quy định về tình trạng khẩn cấp.

Điều 70. Trách nhiệm của chính quyền địa phương

1. Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây:

a) Quyết định chủ trương, biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, ngân sách bảo đảm thực hiện ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật;

b) Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân về ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn quyết định áp dụng các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp, ngân sách bảo đảm thực hiện ứng phó với tình trạng khẩn cấp tại địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, phương án ứng phó với tình trạng khẩn cấp;

b) Căn cứ tình hình địa phương, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước khi quyết định các biện pháp ứng phó với tình trạng khẩn cấp;

b) Chỉ đạo, tổ chức các lực lượng, cơ quan, đơn vị bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong tình trạng khẩn cấp; xây dựng phương án ứng phó với các diễn biến phức tạp về an ninh, trật tự trên địa bàn;

c) Thực hiện việc mua sắm để phục vụ công tác ứng phó với tình trạng khẩn cấp đúng quy định, đảm bảo công khai, minh bạch, chặt chẽ, phòng, chống tiêu cực, lãng phí, tham nhũng;

d) Chỉ đạo tổ chức truyền thông, tuyên truyền cho cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm các quy định trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm;

đ) Thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình trạng tham nhũng, tiêu cực, hạn chế tối đa lãng phí trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp; kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong ứng phó với tình trạng khẩn cấp.

CHƯƠNG IX

BẢO ĐẢM ĐIỀU KIỆN THI HÀNH LUẬT

Điều 71. Nguồn lực cho ứng phó tình trạng khẩn cấp

1. Nguồn tài chính cho ứng phó tình trạng khẩn cấp bao gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

- b) Nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân;
- c) Quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác;
- d) Nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước bảo đảm ngân sách cho ứng phó với tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước ở khu vực biên giới, biển, hải đảo, khu vực trọng yếu, địa bàn trọng điểm.

3. Nhà nước có kế hoạch xây dựng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó với tình trạng khẩn cấp. Việc quản lý, sử dụng dự trữ quốc gia để bảo đảm ứng phó với tình trạng khẩn cấp thực hiện theo quy định của pháp luật về dự trữ quốc gia.

Điều 72. Sử dụng các quỹ tài chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp

Trong tình trạng khẩn cấp, cơ quan có thẩm quyền quyết định việc sử dụng quỹ phòng thủ dân sự và các quỹ tài chính nhà nước khác để thực hiện các hoạt động ứng phó với tình trạng khẩn cấp trong trường hợp khác với mục đích sử dụng của các quỹ đó trong tình huống cụ thể.

Điều 73. Chế độ, chính sách đối với người tham gia ứng phó tình trạng khẩn cấp

1. Người được điều động, huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ ứng phó tình trạng khẩn cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng trợ cấp; khi bị ốm đau, bị tai nạn, chết hoặc bị suy giảm khả năng lao động được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí, trường hợp chưa tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc thì được nhà nước hỗ trợ để bù đắp tổn hại về sức khỏe, tính mạng theo quy định của pháp luật; có thành tích thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia, phối hợp, cộng tác, hỗ trợ hoạt động ứng phó trong tình trạng khẩn cấp có thành tích thì được khen thưởng; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị tổn hại về danh dự, nhân phẩm thì được khôi phục; người bị thương tích, tổn hại sức khỏe, tính mạng thì bản thân hoặc gia đình được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Giám sát, kiểm tra, theo dõi việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp và việc thi hành Luật tình trạng khẩn cấp

1. Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội, Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi quyền hạn của mình, giám sát việc tuân theo pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp; thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

2. Chính phủ, Bộ Quốc phòng, bộ, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi quyền hạn của mình kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong việc thi hành Nghị quyết hoặc Lệnh ban bố tình trạng khẩn cấp; kiểm tra việc thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

3. Bộ Quốc phòng giúp Chính phủ theo dõi chung việc thi hành Luật Tình trạng khẩn cấp.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 75. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ một số điều của các luật có liên quan đến Tình trạng khẩn cấp

Bãi bỏ Pháp lệnh về Tình trạng khẩn cấp năm 2000.

Điều 76. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 20.....

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2025